

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2018
“V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi
con, cấp dưỡng nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn và nợ chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Công.
2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ưon – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23/11/2017 về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp AC, xã TB, huyện C, tỉnh T. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị O là ông Phạm Minh T – Luật sư thuộc văn phòng luật sư H, đoàn luật sư tỉnh T. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Võ Văn P, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp AC, xã TB, huyện C, tỉnh T. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1964;
2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N là ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959 theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2017. (Có mặt).

3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991. (Có mặt).

Đồng địa chỉ: ấp số 5*, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị O là nguyên đơn trình bày: Hôn nhân là do mai mối và được sự đồng ý của hai gia đình chị và anh P đi đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào năm 2008. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CK, tỉnh T. Nữ trang cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, 02 chiếc nhẫn cưới 02 chỉ, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ (tất cả là vàng 24Kra), toàn bộ số nữ trang này vợ chồng đã thống nhất bán hết để mua đất, hiện không còn. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2009 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P nghi ngờ, ghen tuông vô cớ dùng những lời lẽ thô tục và xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị. Đến tháng 02/2016 thì anh P tiếp tục phát sinh uống rượu về chửi mắng chị, đập phá tài sản trong gia đình nên đến ngày 13/4/2017 chị trở về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn được.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Võ Mỹ D, sinh ngày 06/01/2010 hiện đang sống với chị.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng có một căn nhà nền lát gạch tàu, mái lợp tole trị giá khoảng 10.000.000 đồng; một chuồng bò trị giá khoảng 5.000.000 đồng; một nhà vệ sinh trị giá 10.000.000 đồng tất cả tài sản này cất trên đất của cha mẹ chồng cho mượn tại ấp AC, xã TB, huyện C; 01 thửa đất số 983, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.235m², tọa lạc tại ấp AC, xã TB, huyện C trị giá 180.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic trị giá 2.000.000 đồng; 01 ti vi màn hình phẳng 32 inch hiệu Panasonic trị giá 2.500.000 đồng; 03 con bò, trong đó 01 con bò mẹ và 02 con bò con trị giá 50.000.000 đồng; 03 cái tủ nhôm (02 tủ kính, 01 tủ bình thường), tất cả số tài sản trên hiện do anh P đang quản lý, sử dụng.

- *Về tài sản riêng:* Trước khi chị và anh P kết hôn, cha mẹ chị có cho chị 01 con bò cái, hiện do anh P đang quản lý. Riêng 01 chiếc laptop hiệu HP không phải tài sản chung của vợ chồng, mà do chị mượn của em ruột tên Nguyễn Văn N để đi học.

- *Về nợ chung phải trả:* Vợ chồng chị có mượn của bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn M 24 chỉ vàng 24Kra để mua thửa đất số 983 đến nay vẫn chưa trả cho bà Nh và ông M.

- *Người khác nợ vợ chồng:* Không có.

Nay, về hôn nhân: chị xin được ly hôn với anh Võ Văn P.

- *Về con chung:* tùy theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng, nếu sống với chị thì chị nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng và cấp cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Nếu sống với anh P thì anh P nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Đối với 01 căn nhà; 01 chuồng bò; 01 nhà vệ sinh; 01 thửa đất số 983; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 ti vi màn hình phẳng 32 inch hiệu Panasonic; 03 con bò; 03 cái tủ nhôm (02 tủ kính, 01 tủ bình thường) cùng một số vật dụng khác trong gia đình, tổng trị giá 263.500.000 đồng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao lại toàn bộ tài sản trên cho anh P tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu, anh P phải trả lại cho chị ½ giá trị tài sản với số tiền là 131.750.000 đồng (Một trăm ba

mười một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với 01 chiếc laptop hiệu HP chị không đồng ý chia vì không phải tài sản chung của vợ chồng.

- *Về nợ chung phải trả:* Đối với 24 chỉ vàng 24Kra nợ bà Nh và ông M. Sau khi ly hôn, chị nhận trách nhiệm trả cho bà Nhanh, ông M 12 chỉ vàng 24Kra và anh P có trách nhiệm trả cho bà Nh, ông M 12 chỉ vàng 24Kra.

- *Về tài sản riêng:* 01 con bò cái hiện tại anh P đang quản lý, chăm sóc, chị yêu cầu anh P trả lại cho chị vì con bò này do cha mẹ chị cho chị trước khi kết hôn.

Tại các bản khai, biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Võ Văn P là bị đơn trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị O về việc kết hôn, về con chung và về người khác nợ vợ chồng.

- *Về hôn nhân:* Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do anh phát hiện chị O có mối quan hệ nam nữ không rõ ràng, anh có hỏi nhưng chị O không chứng minh được. Từ đó làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, sự việc kéo dài, mâu thuẫn không khắc phục được mà ngày càng phát sinh trầm trọng thêm, vợ chồng không tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3/2017 cho đến nay không hàn gắn được.

- *Về tài sản chung:* 01 căn nhà nền lát gạch tàu, mái lợp tole; 01 chuồng bò; 01 nhà vệ sinh; 01 laptop hiệu HP; 01 tivi 32 inch hiệu Panasonic; 01 tủ lạnh 150 lít hiệu Panasonic; 02 con bò cái và 02 con bò con (anh đã bán 01 con bò cái giá 5.000.000 đồng và 02 con bò con đã chết lúc nhỏ); 03 cái tủ (01 tủ nhôm kính lớn; 01 tủ nhôm kính nhỏ và 01 tủ cây (tủ chén)) và 01 thửa đất số 983, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.235m², tọa lạc tại ấp AC, xã TB, huyện C, tất cả số tài sản này hiện do anh đang quản lý, sử dụng và canh tác.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không có.

Anh thừa nhận trước đây khi mua thửa đất số 983 thì vợ chồng có mượn của cha mẹ vợ là bà Nh, ông M 24 chỉ vàng 24Kra nhưng anh đã trả cho bà Nh, ông M xong. Cụ thể như sau:

- Lần 01 vụ lúa hè thu năm 2013 anh trả 05 chỉ vàng 24Kra;
- Lần 02 vụ giữa năm 2013 anh trả tiếp 03 chỉ vàng 24Kra;
- Lần 03 anh có bán một con bò mua 05 chỉ vàng 24Kra trả tiếp;
- Lần 04 vụ lúa đông xuân năm 2014 anh trả tiếp 06 chỉ vàng 24Kra;
- Lần 05 vụ lúa hè thu năm 2014 anh trả thêm 05 chỉ vàng 24Kra còn lại;

Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị O;

- *Về con chung:* Tùy theo nguyện vọng của cháu D, nếu cháu muốn sống chung với anh thì anh nuôi; nếu cháu muốn sống chung với chị O thì chị O nuôi. Vấn đề cấp dưỡng anh không đặt ra;

- *Về tài sản chung:* anh đồng ý chia đôi số tài sản chung như: 01 căn nhà; 01 chuồng bò; 01 nhà vệ sinh; 01 laptop hiệu HP; 01 tivi 32 inch hiệu Panasonic; 01 tủ lạnh 150 lít hiệu Panasonic; 01 con bò cái và một thửa đất số 983, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.235m², tọa lạc tại ấp AC, xã TB, huyện C; tiền bán con bò 5.000.000

đồng; còn 02 con bò con chết lúc nhỏ, đôi với con bò hiện tại anh đang quản lý là tài sản chung của vợ chồng không phải riêng của chị O.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: số vàng thiếu bà Nh, ông M anh đã trả xong nay không còn thiếu nên không đồng ý trả. Nhưng lúc trả vàng không có thu hồi lại biên nhận nợ.

Tại các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án cháu Võ Mỹ D trình bày: cháu là con ruột của ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị O. Sau khi cha, mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu mong muốn được sống chung với mẹ.

Theo đơn khởi kiện, tại bản khai, tại phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn M (đồng thời ông M là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Nh) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày: vợ chồng chị Nguyễn Thị O và anh Võ Văn P có mượn của vợ chồng ông 24 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99%), khi mượn có viết biên nhận giao cho ông giữ, thời gian mượn là 02 năm nhưng cho đến nay vợ chồng O, P vẫn chưa trả lại số vàng trên cho vợ chồng ông.

Nay ông yêu cầu vợ chồng chị O và anh P phải trả lại cho vợ chồng ông 24 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99%). Ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Vào ngày 24/8/2015, do chị O là chị ruột của anh học Đại học tại trường Đại học T. đang cần sử dụng máy vi tính để phục vụ việc học tập nên anh có mua một máy vi tính hiệu HP với giá 11.200.000 đồng để cho chị O mượn sử dụng, khi nào chị O học xong thì trả lại cho anh. Anh không có yêu cầu khởi kiện trong vụ án hôn nhân này.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn; bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có cung cấp chứng cứ gì mới tại phiên tòa. Tại phiên tòa chị O và anh P thống nhất và thỏa thuận được tổng giá trị tài sản của vợ chồng theo kết quả định giá được làm tròn là 228.000.000 đồng chia đôi mỗi người được hưởng 50% là 114.000.000 đồng.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: yêu cầu HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của chị O về hôn nhân, con chung, cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của bộ

Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, điều 35, điều 147, điều 227, điều 228 và điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 55, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 107 và điều 110 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O.

- *Về hôn nhân:* cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Võ Văn P.

- *Về con chung:* chị Nguyễn Thị O được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Mỹ D, sinh ngày 06/01/2010.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng và cấp cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* chia đôi tài sản của vợ chồng gồm 01 căn nhà; 01 chuồng bò; 01 nhà vệ sinh; thửa đất 983 TĐĐ số 4 diện tích 2.235m² tọa lạc ấp An Chánh, xã Tân Bình; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 tivi màn hình phẳng 32 inch hiệu Panasonic; 01 tủ nhôm kính lớn, 01 tủ nhôm kính nhỏ, 01 tủ cây (tủ chén); 03 con bò (02 con bò mẹ, 01 con bò con). Tổng giá trị tài sản anh chị thống nhất được là 228.000.000 đồng/2 = 114.000.000 đồng. Tất cả các tài sản trên anh P được toàn quyền quản lý sử dụng, anh P có nghĩa vụ giao lại cho chị O ½ giá trị là 114.000.000 đồng.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị O đối với 01 tủ nhôm (trong biên bản định giá ghi là tủ thiếc, đã hết giá trị sử dụng); 01 tủ chén (trong biên bản định giá ghi là tủ cây kính lớn) và 01 bếp gas.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của anh Võ Văn P đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Taurus; 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24Kra; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18Kra; 7.000.000 đồng tiền bán thuốc tây và 10.000.000 đồng tiền bán con bò.

* Không chấp nhận yêu cầu của anh P về yêu cầu chia tài sản chung đối với máy laptop hiệu HP.

- *Về nợ chung:* chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M và bà Nh. Buộc chị Nguyễn Thị O và anh Võ Văn P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M bà Nguyễn Thị Nh 24 chỉ vàng 24Kra (chị O có nghĩa vụ trả 12 chỉ vàng 24kra, anh Võ Văn P có nghĩa vụ trả 12 chỉ vàng 24Kra cho ông M và bà Nh).

- *Về lệ phí thẩm định và định giá tài sản:* buộc các đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân; án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị O có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết việc hôn nhân của chị. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Võ Văn P xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CK, tỉnh T vào ngày 28/11/2008 nên hôn nhân giữa chị O và anh P là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mất lòng tin với nhau, bất đồng quan điểm sống, thể hiện qua lời trình bày của chị O và anh P đã thừa nhận tại các bản khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, kéo dài mặc dù hai bên gia đình có hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị O xin ly hôn, anh P cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: gồm 01 người tên Võ Mỹ D, sinh ngày 06/01/2010 hiện đang sống với chị O. Chị O và anh P cùng yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Xét về nguyện vọng của cháu D mong muốn được sống chung với chị O. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy, trong thời gian trước đây và hiện nay cháu D sống chung với chị O, đảm bảo tốt cho con về mọi mặt. Căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của cháu D và chị O là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nên về con chung công nhận cho chị O được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: xét điều kiện của anh P hiện nay là cán bộ bán chuyên trách, mức thu nhập trung bình mỗi tháng chỉ hơn 1.000.000 đồng. Ngoài ra không có thu nhập thêm nên xét về mức cấp dưỡng nuôi con, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D theo quy định của pháp luật là mỗi tháng cấp 695.000 đồng và cấp cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: chị O và anh P thừa nhận tài sản chung của vợ chồng gồm 2.235m² đất thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp AC, xã TB, huyện C;

01 căn nhà gạch tàu, mái tole; 01 chuồng bò; 01 nhà vệ sinh; 01 tủ lạnh Panasonic 150 lít; 01 Tivi Panasonic 32 inch; 01 tủ nhôm kính lớn; 01 tủ nhôm kính nhỏ; 01 tủ cây (tủ chén).

Chị O và anh P thống nhất anh chị có 04 con bò (02 con bò mẹ và 02 con bò con). Nay chị yêu cầu anh P chia đôi 04 con bò này. Anh P cũng thừa nhận sau khi chị O bỏ nhà đi anh có bán 01 con bò giá 5.000.000 đồng, còn 02 con bò con bệnh chết. Qua xác minh chính quyền địa P thì chỉ có chết 01 con bò con. Nên việc anh P nài ra 02 con bò con chết là không có căn cứ. Vì vậy, 03 con bò (01 con bò mẹ hiện tại, 01 con bò mẹ đã bán và 01 con bò con) là tài sản chung của vợ chồng phải chia đôi (giá trị 03 con bò 26.000.000 đồng). Riêng 01 con bò con đã chết nên không xem xét giải quyết.

Ngày 26/4/2018 anh Võ Văn P có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Taurus; 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24Kra; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18Kra; 7.000.000 đồng tiền bán thuốc tây và 10.000.000 đồng tiền bán con bò, anh chỉ yêu cầu giải quyết chia đôi chiếc laptop hiệu HP.

Riêng chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Taurus, 01 tủ cây kính lớn, 01 tủ thiếc (không còn giá trị sử dụng), bếp gas chị O và anh P thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa chị O và anh P thống nhất và đồng ý chia đôi giá trị tài sản theo giá mà Hội đồng định giá đã định, tổng giá trị tài sản được làm tròn là 228.000.000 đồng, chia đôi mỗi người 50% nên chị O được hưởng là 114.000.000 đồng, anh P được hưởng 114.000.000 đồng. Do các tài sản chung của vợ chồng khó chia bằng hiện vật và hiện tại những tài sản này anh P đang quản lý, sử dụng. Nghĩ nên giao cho anh P tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản trên và buộc anh P phải có nghĩa vụ giao cho chị O 114.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho công tác thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật, tạm thời giao các tài sản này cho anh P tiếp tục quản lý, anh P có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, không được thế chấp, cầm cố, chuyển nhượng, tặng cho hoặc có hành vi làm hư hại tài sản được giao quản lý.

Đối với 01 máy laptop hiệu HP, anh P cho rằng tài sản chung nhưng qua hóa đơn, chứng từ mua hàng là do anh Nguyễn Văn N là người đứng ra mua không phải là của chị O. Căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng cứ chứng minh, anh P đưa ra yêu cầu nhưng anh P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh P là chia đôi máy laptop này.

[6] Về nợ chung: vào ngày 14/12/2017 ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Nh có đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị O và anh Võ Văn P phải có nghĩa vụ trả lại cho ông bà 24 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99% thể hiện là nhẫn). Quá trình giải quyết vụ án chị O và anh P thừa nhận có mượn của bà Nh, ông M 24 chỉ vàng 24Kra, anh P cho rằng đã trả xong, việc trả vàng có một số người chứng kiến. Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, không ai thừa nhận biết việc anh P có mượn và trả vàng cho bà Nh, ông M. Vào ngày 11/4/2018, Tòa án có thông báo yêu

cầu cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của đương sự là có căn cứ hợp pháp, anh P đã nhận thông báo hợp lệ, nhưng đến nay anh P không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình”, việc anh P cho rằng anh đã trả 24 chỉ vàng cho ông M, bà Nh, nhưng anh không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh là đã trả vàng rồi nên việc nại ra của anh P không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Nhận thấy việc chị O và anh P thừa nhận việc mượn 24 chỉ vàng 24Kra là mượn để làm vốn, mua đất để phục vụ cuộc sống gia đình. Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân gia đình vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: “Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm”. Từ đó, xác định số vàng này là nợ chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Xét đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2017 của ông M, bà Nh là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, buộc chị Nguyễn Thị O và anh Võ Văn P phải có nghĩa vụ trả 24 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99% thể hiện là nhẫn) cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Nh (chị O có nghĩa vụ trả 12 chỉ vàng 24Kra, anh P có nghĩa vụ trả 12 chỉ vàng 24Kra).

[7] Về lệ phí thẩm định, định giá tài sản: buộc chị O và anh P có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: buộc chị O có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật. Anh P không phải chịu án phí.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc chị O và anh P có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật (giá vàng 99% tại thời điểm xét xử bằng 3.400.000 đồng/chỉ).

[10] Về án phí cấp dưỡng: buộc anh P có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 55, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 107 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, 147, 157, 165, 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị O và anh Võ Văn P.

[2] Về con chung: Công nhận cho chị Nguyễn Thị O được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Mỹ D, sinh ngày 06/01/2010.

Anh Võ Văn P được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Võ Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Mỹ D, sinh ngày 06/01/2010 mỗi tháng 695.000 đồng và cấp cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: anh P được toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản gồm 2.235m² đất thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp AC, xã TB, huyện C; 01 căn nhà gạch tàu, mái tole; 01 chuồng bò; 01 nhà vệ sinh; 01 tủ lạnh Panasonic 150 lít; 01 Tivi Panasonic 32 inch; 01 tủ nhôm kính lớn; 01 tủ nhôm kính nhỏ; 01 tủ cây (tủ chén); 01 con bò. Anh P có nghĩa vụ giao cho chị O số tiền 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng).

Để đảm bảo cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, tạm thời giao các tài sản này cho anh P tiếp tục quản lý, anh P có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, không được cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho hoặc có hành vi khác làm hư hại tài sản được giao quản lý.

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị O đối với 01 tủ nhôm (trong biên bản định giá ghi là tủ thiếc, đã hết giá trị sử dụng); 01 tủ chén (trong biên bản định giá ghi là tủ cây kính lớn) và 01 bếp gas.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của anh Võ Văn P đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Taurus; 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24Kra; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18Kra; 7.000.000 đồng tiền bán thuốc tây và 10.000.000 đồng tiền bán con bò.

* Không chấp nhận yêu cầu của anh P về yêu cầu chia tài sản chung đối với máy laptop hiệu HP.

[5] Về nợ chung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Nh. Buộc chị Nguyễn Thị O và anh Võ Văn P có nghĩa vụ trả 24 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99% thể hiện là nhẫn), chị O có nghĩa vụ trả 12 chỉ vàng 24Kra; anh Võ Văn P có nghĩa vụ trả 12 chỉ vàng 24Kra cho ông M và bà Nh. Ông M và bà Nh không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

* **Về thời gian trả:** do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về lệ phí thẩm định, định giá: số tiền 3.644.000 đồng. Buộc anh Võ Văn P phải chịu 1.822.000 đồng. Buộc chị Nguyễn Thị O phải chịu 1.822.000 đồng nhưng được trừ vào 3.644.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí thẩm định, định giá mà chị O đã nộp cho Tòa án nhân dân huyện Càng Long tạm thu. Hoàn trả cho chị Nguyễn

Thị O 1.822.000 đồng khi anh Võ Văn P nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị O có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0012678, ngày 15/11/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị Nguyễn Thị O đã nộp đủ tiền án phí. Anh Võ Văn P không phải chịu án phí hôn nhân.

[8] Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Võ Văn P có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị O có nghĩa vụ nộp 7.740.000 đồng nhưng được trừ vào 3.294.000 tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0012679, ngày 15/11/2017, chị O có nghĩa vụ nộp tiếp là 4.446.000 đồng. Buộc anh Võ Văn P có nghĩa vụ nộp 8.001.000 đồng nhưng được trừ 529.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0014494, ngày 15/01/2018, anh P có nghĩa vụ nộp tiếp 7.472.000 đồng. Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Nh không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông M, bà Nh 1.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0014401, ngày 14/12/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Nhung